

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/DS-ST
Ngày 12-12-2022
V/v Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống.
Ông Phạm Hoàng Hân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2022/TLST - DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST – DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn B1 (tên gọi khác Bé), sinh năm 1977 (xin vắng).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

Bị đơn: Ông Trần Văn B2, sinh năm 1977 (xin vắng) và bà Trần Thị L, sinh năm 1975 (đang chấp hành án, xin vắng).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:*

Ông Trần Văn B2 và bà Trần Thị L làm chủ hụi tại địa phương, mở các dây hụi và ông Võ Văn Bình tham gia, cụ thể:

Ngày 15/01/2018 (âm lịch), ông B2 bà L mở dây hụi 500.000 đồng, 72 chung, mỗi tháng khai 02 lần. Ông B1 tham gia 01 chung, ông B1 đóng hụi được 46 lần (không nhớ tiền vốn đóng), hụi chưa hết.

Ngày 15/07/2018 (âm lịch), ông B2 bà L mở dây hụi 500.000 đồng, 52 chung, mỗi tháng khai 02 lần. Ông B1 tham gia 01 chung, ông B1 đóng hụi được 34 lần (không nhớ tiền vốn đóng), hụi chưa hết.

Đến ngày 30/11/2019, vợ chồng ông B2 bà L tuyên bố ngưng hụi. Ông B212 và vợ chồng ông B2 bà L tính toán số tiền hụi thì ông B2 bà L nợ số tiền 30.000.000 đồng. Nay ông B1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị L và ông Trần Văn B2 cùng chịu trách nhiệm trả cho ông Trần Văn B1 số tiền 30.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 14/11/2022, bị đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Bà Trần Thị L thừa nhận nợ tiền hội ông Trần Văn B1 số tiền 30.000.000 đồng, bà L đồng ý cùng chồng là ông Trần Văn B2 trả cho ông B1 số tiền 30.000.000 đồng.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 20/10/2022 và ngày 01/12/2022, bị đơn ông Trần Văn B2 trình bày:*

Ông Trần Văn B2 thừa nhận nợ tiền hội ông Trần Văn B1 số tiền 30.000.000 đồng, ông B2 đồng ý cùng vợ là bà L trả cho ông B1 số tiền 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Năm Căn, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về tranh chấp hội nên Tòa án nhân dân huyện Năm Căn thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B212, ông B212, bà L là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trần Văn B1 xác định đây hội ngày 15/01/2018 (âm lịch) ông B1 tham gia 01 chung, đóng hội được 46 lần (vốn gốc đóng không nhớ rõ) và ngày 15/7/2018 (âm lịch) ông B1 tham gia 01 chung hội, đóng hội được 34 lần (vốn gốc đóng không nhớ rõ). Đến ngày 30/11/2019 bà L ngưng hội, các bên thống nhất số tiền hội nợ là 30.000.000 đồng. Ông B212 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B2 bà L trả số tiền 30.000.000 đồng. Bà L và ông B2 có văn bản thừa nhận còn nợ ông B1 số tiền hội 30.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông B1 số tiền 30.000.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Từ những căn cứ nêu trên, căn cứ Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc ông Trần Văn B2 và bà Trần Thị L trả ông Trần Văn B1 số tiền 30.000.000 đồng là phù hợp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn B1 (Bé), buộc ông Trần Văn B2 và bà Trần Thị L trả cho ông Trần Văn B1 (Bé) số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn B2, bà Trần Thị L phải chịu án phí số tiền 1.500.000 đồng. Ông Trần Văn B1 có nộp tạm ứng án phí số tiền 1.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0015773 ngày 10/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, được nhận lại toàn bộ.

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh